| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 688/2024/HS-PT
Ngày: 26- 8 - 2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Quang Dũng

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai, trực tuyến (Điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Điểm cầu thành phần: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh) vụ án hình sự thụ lý số 727/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Xuân T bị kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 49/2024/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: **Phạm Xuân T**, sinh năm 1999; nơi cư trú: Khu phố H, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K và bà Trần Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 17/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

***- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Xuân T:*** Bà Đào Thị P, Luật sư của Công ty Luật TNHH Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Ngoài ra còn có 01 bị cáo khác và người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên

không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H và Phạm Xuân T là bạn bè. Quá trình chơi với nhau, H đã nhiều lần vay tiền của T, tính đến tháng 6/2023, H còn nợ T 55.400.000 đồng. Để có tiền trả nợ cho T và chi tiêu cá nhân. H bàn bạc và thống nhất với T đi thuê xe ô tô Hyundai Elantra, biển kiểm soát 99A-547.83 của anh Nguyễn Anh N và xe ô tô Hyundai Tucson, biển kiểm soát 99A-433.96 của anh Trần Mạnh D mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ cho T. Hành vi phạm tội của H và T cụ thể như sau:

**Lần thứ nhất:** Tháng 01/2021, anh Trần Mạnh D mua xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson, màu trắng, biển kiểm soát 99A-433.96 với giá tiền là 960.000.000 đồng. Sau đó, anh D thế chấp xe ô tô trên cho Ngân hàng TMCP Liên Việt, chi nhánh Bắc Ninh để vay 300.000.000 đồng. Khi thế chấp xe, Ngân hàng giữ bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe, còn xe ô tô và bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe thì giao cho anh D quản lý, sử dụng. Để kiếm thêm thu nhập, tháng 6/2023, vợ chồng anh Trần Mạnh D và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1993, sử dụng tài khoản Facebook "Hương Emily" đăng tin cho thuê xe ô tô. Khoảng 19 giờ ngày 25/6/2023, H sử dụng tài khoản Facebook "Hải Hà" để tìm người cho thuê xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, thì thấy chị H1 đăng tin cho thuê xe ô tô Hyundai Tucson, biển kiểm soát 99A-433.96. H sử dụng số điện thoại 0979.304.980 của H gọi vào số điện thoại 0359.674.491 của chị H1, đặt vấn đề thuê xe ô tô tự lái. Chị H1 cho H số điện thoại 0989.676.993 của anh D để H liên hệ. Ngay sau đó, H gọi điện thoại cho anh D và được hẹn sáng ngày 26/6/2023 đến nhà anh D ở địa chỉ số 29, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để thỏa thuận việc thuê xe. Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 26/6/2023, H gọi điện cho T vào số 0917.849.404 và nói đã tìm được người cho thuê ô tô để mang đi cầm cố. Nhưng H không có tiền để trả tiền thuê xe, H hỏi vay tiền của T. Biết rõ việc H đi thuê xe ô tô mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ cho T là vi phạm pháp luật, nhưng vì để đòi được tiền H đang nợ nên T đã đồng ý cho H vay tiền để thuê xe. Sau đó, T bảo H đến chung cư C, ở phường V, thành phố B đón T để cùng đi thuê xe với H. Khi đến nhà anh D. Tại nhà anh D, chỉ có một mình H vào gian bếp nhà anh D để thỏa thuận việc thuê xe, còn T ở gian

ngoài xem quần áo và sau đó ra ngoài cửa nhà anh D để xem xe ô tô *(anh D đỗ xe trên vỉa hè trước cửa nhà anh D)*. Anh D thỏa thuận cho H thuê xe ô tô Hyundai Tucson, biển kiểm soát 99A-433.96, với giá 1.500.000 đồng/1 ngày, thời hạn thuê là 03 ngày, kể từ 10 giờ 00 phút ngày 26/6/2023 đến 10 giờ 00 phút ngày 29/6/2023. Anh D yêu cầu H phải trả trước tiền thuê xe và tiền đặt cọc với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Sau đó anh D viết Hợp đồng thuê xe với nội dung như sau: *"Thứ 2- 26-6-2023. Người thuê xe: Nguyễn Văn H, 1990, số CCCD: 0270-900-12830. Quê quán: P, Q, Bắc Ninh. Đã nhận H: 20.000.000 đồng (tiền cọc). Thời hạn thực hiện hợp đồng: 10 giờ 00 sáng ngày 26-6-2023 (3 ngày). Giá thuê xe 1.500.000 đồng/ngày."*. H ký vào mục người thuê và ở dưới mục người thuê, H viết thêm dòng chữ:*"Chấp nhận thuê xe phát sinh phạt nguội giao thông, tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm"*. H đưa cho anh D xem bản gốc giấy phép lái xe hạng E của H, xem xong, anh D trả lại giấy phép lái xe cho H và H giao bản gốc Căn cước công dân số 027090012830 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 28/9/2021 của H cho anh D giữ. Anh D cung cấp tài khoản số 3333189999 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) chi nhánh Bắc Ninh, mang tên Trần Mạnh D để H chuyển trả tiền thuê xe, do đã bàn bạc thống nhất từ trước T đã sử dụng tài khoản số 023747703 mở tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) chi nhánh tỉnh Bắc Ninh chuyển 20.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng của anh D. Sau khi nhận được 20.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê xe, anh D bảo H ra trước cửa nhà anh D để giao xe, anh D đưa điện thoại của anh D cho T, nhờ T chụp ảnh cảnh anh D giao cho H chìa khóa xe ở trước đầu xe ô tô của anh D. Ngoài giao xe ô tô, chìa khóa xe, anh D còn giao cho H bản phô tô giấy chứng nhận đăng kiểm của xe ô tô (bản phô tô), đồng thời anh D chuyển qua Zalo có tên "H thuê xe của d béo" của H hình ảnh giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của anh D.

Sau khi thuê được xe, H nói với T là mang xe của anh D đi cầm cố vay tiền và H chở T đi đến một quán phô tô trên địa bàn thành phố Bắc Ninh *(tên quán và địa chỉ quán H và Tđều không nhớ)*. H chuyển qua Zalo hình ảnh giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của anh D cho chủ quán để in ra giấy thành bản đen trắng. Sau đó, H chở T đi đến huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tìm cửa hiệu cầm đồ để cắm xe, nhưng không tìm được. H hỏi T có biết ai nhận cầm cố xe cho vay tiền thì giới thiệu cho H. T biết rõ xe ô tô này do H thuê mà có, nhưng vì để lấy được tiền H đang nợ, T đã giúp H tìm chỗ cầm cố xe bằng cách gọi

điện thoại cho bạn của T là Nguyễn Thị M, sinh năm 1986, HKTT: S3, H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để hỏi M giới thiệu cho T chỗ nhận cầm cố xe. Khi nhờ M, T chỉ bảo M biết ai nhận cầm cố xe ô tô thì giới thiệu cho T, chứ T không nói rõ đặc điểm xe ô tô, xe của ai, nguồn gốc xe do đâu mà có, ai mang cầm cố, thời gian mang cầm cố... M hoàn toàn không biết mục đích T tìm chỗ nhận cầm cố xe ô tô là để T và H cầm cố xe ô tô thuê của anh Trần Mạnh D. Vì vậy, M nhắn tin cho T số điện thoại của bạn M tên là Trần Văn T2, sinh năm 1992, HKTT: Tổ dân phố C, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang và bảo T hỏi T2. T cung cấp cho H số điện thoại 0365.583.333 của T2, để H gọi điện nhờ T2 tìm chỗ cầm cố xe vay tiền. Khi nhờ T2 tìm chỗ cầm cố xe ô tô, H đã giấu không nói với T2 là xe ô tô do H thuê, mà H nói với T2 là H có xe ô tô Hyundai Tucson, H nhờ T2 tìm chỗ để H cầm cố xe vay tiền. T2 đồng ý và bảo H đến khu vực hồ đôi gần với Tỉnh ủy và Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh thuộc phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh để đón T2. Sau khi đón T2 lên xe, H nói với T2 là H có xe ô tô Hyundai Tucson nhờ T2 tìm chỗ để H cầm cố xe vay tiền. T2 gọi điện thoại cho ông Phạm Hữu S. T2 đặt vấn đề với ông S là bạn của T2 có xe ô tô Hyundai Tucson muốn cầm cố cho ông S để vay tiền. Ông S đồng ý cầm cố xe, nhưng chỉ cho vay 200.000.000 đồng, ông S hẹn T2 khoảng 12 giờ ngày 26/6/2023, đến quán nước ở phường Nếnh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để thỏa thuận việc cầm cố xe. Do muốn nâng mức vay tiền từ 200.000.000đồng lên 300.000.000đồng, H tự gọi điện thoại nói với ông S là xe ô tô Hyundai Tucson của H đời năm 2020, vẫn còn mới. H bảo ông S cho H vay 300.000.000đồng, nhưng ông S chỉ đồng ý cho H vay 200.000.000 đồng. Khoảng 12 giờ ngày 26/6/2023, H lái xe chở T2 và T đến một quán nước ven đường thuộc địa bàn phường Nếnh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để gặp ông S. Khoảng 10 phút sau, ông S đi cùng anh Nguyễn Hùng L, sinh năm 29/12/1991, HKTT: T31, phường N, quận L, thành phố Hà Nội đến quán nước gặp H, T, T2. T2 giới thiệu H với ông S và H đặt vấn đề cầm cố xe ô tô Hyundai Tucson, biển kiểm soát 99A-433.96 để vay tiền của ông S. Ông S hỏi H nguồn gốc của xe ô tô H mang cầm cố cho ông S thì H nói dối với ông S xe ô tô này H vừa mới mua, bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe, H đã nộp cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Ninh để làm thủ tục sang tên. Tin lời H nói là thật, ông S đồng ý nhận cầm cố xe và cho H vay 200.000.000 đồng. Theo lời khai của H thì ông S cho H vay với lãi suất là 3000 đồng/1 triệu/1 ngày, ông S

khai cho H vay với mức lãi 10%/1 năm. Ông S đưa cho H giấy, bút để H viết giấy vay tiền có nội dung như sau *"Tên H là Nguyễn Văn H, số CCCD: 027090012830. Địa chỉ; P, Q, Bắc Ninh. Hôm nay 26/6/2023, H có vay của anh Phạm Hữu S số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng chẵn). H đã nhận đủ số tiền trên, H dùng để giải quyết công việc riêng. Để làm tin, H có để lại chiếc xe Tucson, mang biển số 99A-433.96, cùng bằng lái xe mang tên H. H cam đoan tài sản trên là của H, do mới mua, chưa kịp sang tên nên xe vẫn mang tên người khác. Nếu sai H xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. H hẹn đến ngày 26/7/2023, H sẽ hoàn trả số tiền trên cho anh S và nhận lại tài sản".* Người vay Nguyễn Văn H, người chứng kiến Phạm Xuân T. Khi H đang viết giấy vay tiền, ông S hỏi nhà T ở đâu, T trả lời ông S là nhà của T gần với nhà của H. Ông S bảo với T là nếu sau này ông S không liên lạc được với H thì ông S sẽ nhờ T đưa ông S đến nhà H, thì T đồng ý. Sau khi H viết xong giấy vay tiền, ông S yêu cầu T ký vào giấy vay tiền với tư cách là người chứng kiến. Giấy vay tiền này, H giao cho ông S giữ, đồng thời H giao cho ông S xe ô tô (kèm chìa khoá), Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, Giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô (đều là bản phô tô) và Giấy phép lái xe hạng E, số 270135015240 mang tên Nguyễn Văn H (bản gốc).

Theo lời khai của H, mặc dù ông S cho H vay 200.000.000 đồng, nhưng ông S chỉ giao cho H 182.000.000 đồng, bởi vì ông S thu trước tiền lãi 30 ngày là 18.000.000 đồng (600.000 đồng x 30 ngày = 18.000.000 đồng). Số tiền 182.000.000 đồng này, ông S giao cho H 140.000.000 đồng tiền mặt và ngày 26/6/2023, ông S chuyển khoản 42.000.000đồng từ tài khoản số 17834407 mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) chi nhánh Bắc Ninh của mình vào tài khoản số 5550101468888 mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) chi nhánh Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh của H *(Ông S khai giao đủ 200.000.000đồng cho H, gồm 42.000.000 đồng tiền chuyển khoản và 158.000.000đồng tiền mặt và ông S chưa nhận tiền lãi của H)*. Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành cho H đối chất với ông S, tuy nhiên hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm về lời khai của mình. Sau khi nhận cầm cố xe ô tô của H, ông S mang xe ô tô trên gửi chị Phạm Thị L, sinh năm 1970, HKTT: S10, ngõ 272, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang trông giữ hộ. Chị L đã mang xe ô tô để ở sân của hợp tác xã H, địa chỉ số 8, ngõ 272, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đến 10 giờ, ngày 29/6/2023, là thời hạn H phải trả xe ô tô cho anh D, tuy nhiên mục đích của H là thuê xe ô tô của anh D để mang cầm cố lấy tiền chi tiêu, nên H không trả tiền cho ông S để chuộc xe mang về trả cho anh D. Anh D kiểm tra định vị thì thấy xe ô tô của mình đang đỗ ở khu vực đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Anh D nhắn tin từ tài khoản Zalo có tên "DUY NHA DAT" yêu cầu H phải mang xe về trả cho anh D nhưng H không thực hiện theo yêu cầu của anh D. Đến khoảng 14 giờ ngày 29/6/2023, anh D tiếp tục nhắn tin tới tài khoản Zalo "H thuê xe của d béo" của H yêu cầu H mang xe về trả cho anh D. Mặc dù thời điểm này H đang ở Bắc Ninh nhưng H nhắn tin nói dối với anh D là H đang ở Sơn La nên chưa mang xe về trả cho anh D được. Đến khoảng 17 giờ 40 phút ngày 29/6/2023, anh D gọi điện yêu cầu H mang xe về trả cho anh D, nếu không anh D sẽ báo Cơ quan Công an. Do không có xe để trả cho anh D nên H không trả lời và tắt điện thoại để anh D không gọi được cho H, anh D gọi qua Zalo cho H thì H cũng không nghe máy. Khoảng 18 giờ ngày 29/6/2023, anh D tiếp tục kiểm tra định vị, thì thấy xe ô tô của anh D vẫn đang đỗ cố định ở khu vực đường N, phường T, thành phố B. Để tránh việc mất dấu xe, anh D đã rủ anh Đỗ Trung D1, sinh năm 1993, nhà ở phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang lái xe ô tô của anh D1 chở anh D đi tìm xe ô tô. Khoảng 20 giờ ngày 29/6/2023, anh D và anh D1 phát hiện xe ô tô của anh D đang được để ở sân của hợp tác xã H, địa chỉ: Số 8, Ngõ 272, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Anh D sử dụng chìa khóa phụ để mở khóa và lái xe ô tô về nhà anh D. Sau khi lấy được xe, anh D nhiều lần gọi điện thoại cho H nhưng H tắt máy nên anh D không gọi được. Đến khoảng 23 giờ, ngày 29/6/2023. Anh D gửi tin nhắn qua tài khoản Zalo yêu cầu H về gặp anh D. H không trả lời, bỏ trốn không về gặp anh D. Như vậy, mục đích H thuê xe của anh D là để mang đi cầm cố vay tiền, cho nên mặc dù thời hạn H thuê xe ô tô của anh D chỉ có 03 ngày nhưng khi mang xe cầm cố cho ông S để vay tiền thì H thỏa thuận thời hạn cầm xe là 30 ngày. Mặt khác sau khi cầm cố xe của anh D cho ông S để vay 200.000.000 đồng, H không quan tâm đến nghĩa vụ trả tiền cho ông S để lấy xe ô tô về trả cho anh D. Số tiền 182.000.000 đồng vay được của ông S, H đã sử dụng chi tiêu cá nhân.

* Ngày 24/7/2023, ông Phạm Hữu S tự nguyện giao nộp các tài liệu, đồ vật liên quan đến việc hải cầm cố xe.

* Ngày 15/8/2023, anh Trần Mạnh D tự nguyện giao nộp 01 Căn cước công dân, số 027090012830, mang tên Nguyễn Văn H (bản gốc); 01 Hợp đồng thuê xe thể hiện ngày 26/6/2023, Nguyễn Văn H thuê xe ô tô hiệu Hyundai Tucson, màu sơn trắng, biển số 99A-433.96 của anh D (bản gốc).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 200/KL-HĐĐGTS ngày 28/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự thành phố Bắc Giang kết luận: *"Chiếc xe ôtô nhãn hiệu Huynhdai Tucson, màu sơn trắng, biển kiểm soát 99A-433.96 có giá trị: 700.000.000đồng"*.

Tại bản kết luận giám định số 1919/KL-KTHS ngày 12/10/2023 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: *"Chữ ký, chứ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1-trừ chữ ký, chữ viết có nội dung (Người làm chứng-T-Phạm Xuân T); chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn H dưới mục (người thuê) và chữ viết có nội dung (Chấp nhận thuê xe-Phát sinh phạt nguội giao thông tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm) trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1 đến M4) là do cùng một người ký, viết ra"*.

**Lần thứ hai:** Tháng 5/2022, anh Nguyễn Anh N mua xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra, màu đen, biển kiểm soát 99A-547.83, với giá tiền là 680.000.000 đồng. Sau đó, anh N thế chấp xe ô tô trên cho Ngân hàng Shinhanbank, chi nhánh Bắc Ninh để vay 300.000.000 đồng. Khi thế chấp xe, Ngân hàng giữ bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe, còn xe ô tô và bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe thì giao cho anh N quản lý, sử dụng. Để kiếm thêm thu nhập, tháng 6/2023, anh N sử dụng tài khoản Facebook "N Nguyễn" đăng tin cho thuê xe ô tô. Do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân nên H nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái mang đi cầm cố. Khoảng 17 giờ ngày 28/6/2023, H sử dụng Facebook tên là "H Hà" để tìm người cho thuê xe ô tô tự lái, thì thấy tài khoản Facebook "N Nguyễn" của anh Nguyễn Anh N có đăng tin cho thuê xe ô tô Hyundai Elantra, màu đen, biển kiểm soát 99A-547.83, kèm theo số điện thoại 0915.611.858 của anh N. H sử dụng số điện thoại 0979.304.980 của H điện thoại đặt vấn đề thuê xe của anh N thì anh N đồng ý và cho H địa chỉ nhà anh Ng ở số 11, phố C, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. H hẹn anh N đến tối ngày 28/6/2023, H sẽ đến nhà anh N để thuê xe. Khoảng 18 giờ ngày 28/6/2023, H gặp T và chị Nguyễn Thị Ánh H2, sinh năm 1985, HKTT: Căn hộ số 10, tầng 3, chung cư H2, khu Y, phường K, thành phố B tại một quán ăn trên đường

Nguyễn Trãi, thành phố Bắc Ninh *(Chị H2 là bạn của T và H)*. Khi chị H2 đi vệ sinh thì H bàn bạc với T là H đi thuê xe để mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ cho T. T đồng ý và cho H vay tiền thuê xe. Khoảng 19 giờ ngày 28/6/2023, H và T bảo chị H2 ở quán đợi, H và T đi có việc. Sau đó H và T bắt xe taxi đến nhà anh Nguyễn Anh N để thuê xe. Anh N chở H và T đi đến quán phô tô *(không nhớ địa chỉ)* để in hợp đồng thuê xe ô tô. Sau đó cả ba cùng quay lại nhà anh N, T ngồi ở xe ô tô, còn H và anh N vào trong nhà anh N để làm thủ tục thuê xe. Anh N thỏa thuận cho H thuê xe ô tô Hyundai Elantra, màu đen, biển kiểm soát 99A-547.83, với giá 800.000 đồng/1 ngày. Thời hạn thuê là 07 ngày kể từ ngày 28/6/2023 đến ngày 05/7/2023. Anh N yêu cầu H đặt cọc 20.000.000 đồng và thanh toán trước số tiền 07 ngày thuê xe là 5.500.000 đồng *(Đúng ra số tiền H phải thanh toán là 5.600.000 đồng, nhưng anh N đã làm tròn chỉ tính là 5.500.000 đồng)*. H giao cho anh N 01 Hộ chiếu, số K0178971 mang tên Nguyễn Văn H (bản gốc). Anh N yêu cầu H cho xem bằng lái xe, H đã đưa cho anh N xem hình ảnh chụp bằng lái xe trong điện thoại của H. Sau đó anh N sử dụng mẫu hợp đồng cho thuê xe ô tô đề ngày 28/6/2023 để điền các thông tin của người cho thuê Nguyễn Anh N, người thuê Nguyễn Văn H, thời hạn thuê, giá tiền thuê, thông tin của xe ô tô… Anh N giao cho H xe ô tô, chìa khóa xe và Bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô có đóng dấu của Ngân hàng Shinhanbank, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe ô tô (đều là bản gốc). Sau đó T sử dụng tài khoản số 023747703 mở tại Ngân hàng VIB chi nhánh Đống Đa, thành phố Hà Nội chuyển khoản số tiền 25.600.000 đồng vào tài khoản số 5550101468888 mở tại Ngân hàng MB của H. Sau đó H dùng tài khoản MB chuyển 25.500.000 đồng đến tài khoản số 19033617937030 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) chi nhánh tỉnh Bắc Ninh của anh N. Sau khi thuê được xe ô tô, H thống nhất với T mang xe đi Hà Nội cầm cố lấy tiền, T đồng ý cùng H mang xe đi cầm cố. H lái xe chở T quay về quán ăn, H rủ chị H2 đi Hà Nội chơi *(H và T giấu không nói với chị H2 là H thuê xe mang đi cầm cố)*. Khoảng 22 giờ ngày 28/6/2023, H chở chị H2 và T đến chung cư H, địa chỉ: Số 344, đường K, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. H bảo chị H2 và T đứng ở sảnh chung cư đợi H, còn H đi lên căn hộ 2603 của anh Phan Minh Đ, sinh năm 1991, HKTT: Căn hộ 2603, chung cư H *(khi vào trong chung cư để cầm cố xe cho anh Đ, thì H cũng giấu không nói cho chị H2 biết)*. H đặt vấn đề với anh

Đ là H có xe ô tô Hyundai Elantra, biển kiểm soát 99A-547.83 mang cầm cố để vay tiền của anh Đ. H đưa cho anh Đ toàn bộ giấy tờ mà khi thuê xe anh Ng đưa cho H. Anh Đ nhận cầm cố xe và cho H vay 180.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày. Theo lời khai của H, anh Đ tính lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, anh Đ thu trước tiền lãi 30 ngày và thu 3.000.000 đồng tiền phí gửi xe ô tô. Còn anh Đ khai khi cho H vay anh Đ không áp đặt mức lãi, hai bên thỏa thuận khi H trả tiền gốc thì H trả lãi bao nhiêu cho anh Đ cũng được. Mặc dù H cầm cố xe để vay tiền của anh Đ nhưng anh Đ yêu cầu H phải hợp thức hóa việc cầm cố thành việc mua bán xe ô tô. Anh Đ đưa mẫu hợp đồng mua bán xe để H điền thông tin cá nhân của H, thông tin của xe ô tô và H ký vào mục người bán. Sau khi điền xong, H giao Hợp đồng cho anh Đ giữ. Anh Đ bảo H xuống dưới sảnh chung cư giao xe ô tô cho anh Đ, thì anh Đ mới chuyển tiền cho vay vào tài khoản cho H. H và Đ cùng đi đến chỗ để xe ô tô để H giao xe và chìa khóa xe cho anh Đ. Sau khi H giao xe ô tô cho anh Đ, khoảng 30 phút sau anh Đ sử dụng tài khoản số 00002338212 mở tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) chi nhánh Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội chuyển số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản số 5550101468888 mở tại Ngân hàng MB của H. Theo lời khai của H, lý do H vay 180.000.000 đồng nhưng anh Đ chỉ chuyển 150.000.000 đồng là vì anh Đ thu trước 27.000.000 đồng tiền lãi của 30 ngày *(Tiền lãi 01 ngày là 900.000đồng x 30 ngày = 27.000.000đồng)* và anh Đ yêu cầu H trả thêm 3.000.000 đồng tiền phí gửi xe ô tô. Tuy nhiên anh Đ khai là cho H vay 180.000.000 đồng nhưng anh Đ mới chuyển trước cho H 150.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng anh Đ sẽ chuyển cho H sau, nhưng anh Đ vẫn chưa chuyển cho H số tiền 30.000.000 đồng này. Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành cho H đối chất với anh Đ, tuy nhiên hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm về lời khai của mình. Sau khi giao xe cho anh Đ, H đi ra gặp T và chị H2. H giấu không nói cho chị H2 biết là H đã cầm cố xe mà H nói dối với chị H2 là H gửi xe ô tô cho bạn của H trông giữ hộ. H nói riêng với T là H đã cầm cố được xe cho anh Đ, khi nào anh Đ chuyển khoản tiền cho H vay thì H sẽ trả nợ cho T. Sau đó H bắt xe taxi để cùng T, chị H đi chơi tiếp, khi xe đến cầu Thanh Trì, thành phố Hà Nội thì chị H2 bảo với H là chị H2 không đi chơi nữa, để chị H2 bắt taxi về Bắc Ninh. Do chị H2 không đi nữa nên T cũng bảo với H là T và chị H2 cùng đi về, nên chỉ còn một mình H đi chơi ở Hà Nội.

Ngày 30/6/2023, anh N điện thoại cho H bảo H mang xe ô tô về để anh N kiểm tra. H nói dối với anh N là H đã cho người khác mượn xe, nên H không mang xe về để cho anh N kiểm tra được. Đến sáng ngày 05/7/2023, anh N điện thoại cho H thông báo hết hạn thuê xe và yêu cầu H mang xe về trả cho anh N. Do H đã mang xe cầm cố cho anh Đ nên H phải nói dối với anh N là H đang ở Hưng Yên, chưa mang xe về trả cho anh N được. Đến sáng ngày 07/7/2023, anh N tiếp tục điện thoại cho H nhiều lần nhưng H không nghe điện thoại của anh N. Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi H đang ở nhà H thì anh N đến. H đã thừa nhận với anh N là ngay sau khi thuê được xe của anh N, H đã mang xe ô tô của anh đi cầm cố lấy tiền chi tiêu. Sau đó H và anh N đã đến chung cư nơi ở của anh Đ để tìm xe nhưng không tìm thấy. Anh N yêu cầu H đi chuộc xe về trả cho anh N thì H nói là H không có tiền. Cùng ngày H đã đến Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh đầu thú. Số tiền 150.000.000 đồng vay được của anh Đ, H đã sử dụng trả nợ cho T và chi tiêu cá nhân.

* Ngày 07/7/2023, anh Nguyễn Anh N tự nguyện giao nộp gồm: 01 Hợp đồng thuê xe ô tô đề ngày 28/6/2023 có 4 trang (bản gốc); 01 Hộ chiếu, số K0178971 mang tên Nguyễn Văn H (bản gốc); 01 bản phô tô Giấy phép lái xe ô tô hạng E, số 270135015240 mang tên Nguyễn Văn H (bản phô tô); 01 Căn cước công dân số 027096009187 mang tên Nguyễn Văn H (bản phô tô); 01 sao y chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 99A-547.83 mang tên Nguyễn Anh N (có dấu đỏ của Phòng công chứng Kinh Bắc) và 01 Giấy biên nhận thế chấp Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhanbank Việt Nam (bản phô tô).

* Ngày 10/7/2023, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh thu giữ của Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, số seri 357705108496574.

* Ngày 11/7/2023, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh thu giữ của anh Phan Minh Đ gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra, màu đen biển kiểm soát 99A-547.83, số khung RLUFC41FBMN026337, số máy G4NAHW618063, kèm 01 thìa khóa xe ô tô; 01 Giấy bán xe ô tô biển kiểm soát 99A-547.83 đề ngày 28/6/2023, người bán Nguyễn Văn H, người mua Phan Minh Đ (bản gốc); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, biển kiểm soát 99A-547.83, số 99 021842 mang tên Nguyễn Anh N (bản phô tô); 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô, số 230123931 và giấy bảo hiểm tự

nguyện (bản gốc) và 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, biển kiểm soát 99A-547.83 (bản gốc).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐ ngày 14/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự tỉnh Bắc Ninh kết luận: *"Chiếc xe ôtô nhãn hiệu Hyundai Elantra, màu đen, biển kiểm soát 99A-547.83 có giá trị: 555.000.000đồng".*

Tại bản kết luận giám định số 1471/KL-KTHS ngày 13/7/2023 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận:

*- Chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết của Nguyễn Anh N trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người viết ra.*

*- Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Anh N dưới mục "Đại diện bên A" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Anh N trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) là do cùng một người ký, viết ra.*

*- Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn H dưới mục "Đại diện bên B" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) là do cùng một người ký, viết ra.*

*- Dấu vân tay trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với dấu vân tay ngón trỏ trái, trỏ phải của Nguyễn Văn H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4) là do cùng một người điểm chỉ ra.*

*- Chữ viết tại phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết của Nguyễn Văn H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M5) là do cùng một người viết ra.*

*- Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn H dưới mục "Đại diện bên B" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) là do cùng một người ký, viết ra.*

*- Số khung, số máy của xe ô tô giưu giám định không bị tẩy xóa, đóng đục lại. Hàng chữ số đóng trên khung xe: RLUFC41FBMN026337 và hàng chữ số đóng trên thân máy: G4NAHW618063 là nguyên thủy.*

Tại bản kết luận giám định số 2237/KL-KTHS ngày 15/11/2023 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận:

*- Chữ viết có nội dung"Người làm chứng" và chứ ký, chữ viết đứng tên Phạm Xuân T trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết*

*của Phạm Xuân T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký, viết ra.*

*- Hộ chiếu, Giấy phép lái xe, Căn cước công dân gửi giám định (ký hiệu A2, A3, A4) là thật*. Hoàn trả Cơ quan CSĐT (PC02) toàn bộ tài liệu gửi giám định.

Ngày 14/8/2023, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 29/QĐ-PC02 trả anh Nguyễn Anh N 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra, màu đen biển kiểm soát 99A-547.83, số khung RLUFC41FBMN026337, số máy G4NAHW618063; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô, số 230123931 và giấy bảo hiểm tự nguyện (bản gốc) và 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, biển kiểm soát 99A-547.83 (bản gốc). Cùng ngày anh N đã nhận đủ và không có ý kiến gì về trách nhiệm dân sự.

Tại Bản án số 49/2024/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Xuân T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạm Xuân T 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo khác, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 / 5 /2024, bị cáo Phạm Xuân T kháng cáo xin giảm hình phạt tù.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Phạm Xuân T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm là đúng và xác định Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là không oan. Bị cáo kháng cáo đề nghị giảm hình phạt vì mức hình phạt 09 năm tù là quá nặng. Nguyễn Văn H nợ bị cáo tiền, đi cầm cố xe không trả hết nợ cho bị cáo, H còn ép bị cáo đi vay tiền hộ H, ông bà ngoại bị cáo là người có công với cách mạng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 09 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là nghiêm. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn

cứ Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T, sửa quyết định của bản án sơ thẩm và giảm cho bị cáo từ 01 năm tù đến 02 năm tù.

Người bào chữa nhất trí tội danh của bị cáo. Bị cáo có các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như án sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, ông bà ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo phạm tội lần đầu, là người giúp sức không đáng kể trong vụ án, động cơ muốn lấy lại tiền cho vay, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm và xử phạt bị cáo 06 năm 06 tháng tù.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T làm đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn H và Phạm Xuân T là bạn bè và không có việc làm ổn định. H vay của T 55.400.000 đồng. Để có tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ cho T, H bàn với T đi thuê xe ô tô tự lái để mang đi cầm cố vay tiền để chi tiêu cá nhân, trả nợ cho T và được T đồng ý. Ngày 26/6/2023, H và T thuê xe ô tô tự lái hiệu Hyundai Tucson mang BKS 99A-433.96 của anh Trần Mạnh D sau đó cầm cố cho ông Phạm Hữu S để vay số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được H đưa cho T 37.000.000 đồng để trả nợ, còn lại H đã chi tiêu cá nhân hết. Chiếc ô tô hiệu Hyundai Tucson mang BKS 99A-433.96 mà H và T chiếm đoạt có trị giá là 700.000.000 đồng. Ngày 28/6/2023, H và T lại tiếp tục thuê xe ô tô hiệu Hyundai Elantra mang BKS 99A - 547.83 của anh Nguyễn Anh N sau đó cầm cố cho anh Phan Minh Đ để vay 170.000.000 đồng nhưng anh Đ mới chuyển cho H 150.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng chưa chuyển. H đưa T 40.000.000 đồng để trả nợ, số tiền còn lại H chiếm đoạt, chi tiêu cá nhân hết. Chiếc ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra mang BKS 99A - 547.83 H và T chiếm đoạt là trị giá là 555.000.000 đồng.

[3] Bị cáo Phạm Xuân T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã giúp sức cho bị cáo Nguyễn Văn H dùng thủ đoạn gian dối để thuê xe ô tô của các bị hại mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu, trả nợ. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm hại quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, không oan.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án và hậu quả các bị cáo gây ra, xem xét nhân thân, vai trò của các bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo Phạm Xuân T được hưởng: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường xong thiệt hại, được bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, ông nội của bị cáo là người có công với cách mạng. Tuy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự và quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đúng nhưng mức hình phạt 09 năm tù đối với bị cáo là nghiêm khắc vì bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu vi phạm pháp luật, chỉ là người giúp sức cho bị cáo Nguyễn Văn H, động cơ phạm tội là để đòi lại tiền mà bị cáo Nguyễn Văn H còn nợ, số tiền bồi thường thiệt hại cho người liên quan do một mình gia đình bị cáo bỏ ra, thiệt hại đã được khắc phục toàn bộ, tại cấp phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự "ông bà ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng" nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các quy định của pháp luật.

[5] Người bào chữa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 06 năm 06 tháng là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Phạm Xuân T được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**Vì các lẽ trên,**

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355, Điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T và sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Xuân T:

Tuyên bố bị cáo T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 07 (Bẩy) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2023.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Phạm Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: HS,, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Ngô Quang Dũng**